

Số: **23** /2013/QĐ-UBND

Lào Cai, ngày 19 tháng 7 năm 2013

**QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí khai thác và sử dụng  
tài liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Lào Cai**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Pháp lệnh phí và lệ phí ngày 28/8/2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí;

Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25/5/2006 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16/10/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 13/2013/NQ-HĐND ngày 12/7/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai về việc ban hành, sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Lào Cai;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 145/TTr-STC ngày 24/5/2013,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Lào Cai, cụ thể như sau:

1. Mức thu: (không bao gồm chi phí in ấn, sao chụp hồ sơ, tài liệu).

a) Đối với tổ chức: 200.000 đồng/hồ sơ, tài liệu.

\* Trường hợp chỉ khai thác và sử dụng một phần hồ sơ, tài liệu, mức thu cụ thể như sau:

- Đơn xin giao đất hoặc thuê đất: 5.000 đồng/đơn.
- Giấy chứng nhận đầu tư: 10.000 đồng/giấy chứng nhận.
- Quyết định thành lập doanh nghiệp: 10.000 đồng/quyết định.
- Dự án đầu tư hoặc Phương án sử dụng đất: 40.000 đồng/ Dự án hoặc Phương án.
- Thông báo giới thiệu địa điểm đất: 10.000 đồng/Thông báo.
- Biên bản thẩm tra hồ sơ đất đai: 10.000 đồng/Quyết định.
- Quyết định thu hồi đất: 10.000 đồng/Quyết định.
- Tờ trình phê duyệt giao đất: 10.000 đồng/Tờ trình.
- Sơ đồ giao đất: 10.000 đồng/sơ đồ.
- Hợp đồng cho thuê đất: 10.000 đồng/Hợp đồng.
- Phiếu chuyển thông tin địa chính: 5.000 đồng/Phiếu.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 5.000 đồng/Giấy.
- Phương án bồi thường giải phóng mặt bằng: 20.000 đồng/Phương án.
- Quyết định phê duyệt kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng: 10.000 đồng/Quyết định.
- Hợp đồng chuyển nhượng góp vốn: 15.000 đồng/ Hợp đồng.
- Quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất: 10.000/Quyết định.
- Biên lai nộp tiền: 5.000 đồng/Biên lai.
- Tờ khai nộp tiền: 5.000đ/Tờ khai.

b) Đối với cá nhân: 100.000 đồng/hồ sơ, tài liệu.

\* Trường hợp chỉ khai thác và sử dụng một phần hồ sơ, tài liệu mức thu cụ thể như sau:

- Quyết định giao đất: 10.000 đồng/Quyết định.
- Quyết định cấp giấy CNQSDĐ: 10.000 đồng/Quyết định.
- Tờ trình: 10.000 đồng/Tờ trình
- Sơ đồ: 10.000 đồng/Sơ đồ.
- Biên bản: 10.000 đồng/Biên bản.
- Hợp đồng chuyển nhượng: 10.000 đồng/ Hợp đồng.
- Đơn xin giao đất: 5.000 đồng/Đơn.

- Biên lai nộp tiền: 5.000đ/Biên lai.

- Tờ khai nộp tiền: 5.000đ/Tờ khai.

*Riêng đối với các cá nhân thuộc các thôn, xã đặc biệt khó khăn theo quy định của Trung ương mức thu phí được tính bằng 50% quy định nêu trên.*

## 2. Quản lý, sử dụng.

### a) Đơn vị thu phí:

Cơ quan, đơn vị được cấp có thẩm quyền giao lưu giữ hồ sơ, tài liệu về đất đai thực hiện thu phí.

### b) Quản lý, sử dụng:

- Cơ quan, đơn vị thu phí được trích 10% số tiền thu được trước khi nộp ngân sách để trang trải chi phí thu, số tiền còn lại (90%) nộp vào ngân sách theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.

- Việc thanh quyết toán nguồn thu phí thực hiện theo quy định hiện hành về quản lý tài chính.

- Chứng từ thu thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính hướng dẫn về in, phát hành, quản lý và sử dụng các loại chứng từ thu tiền phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước.

**Điều 2.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành và bãi bỏ Quyết định số 19/2006/QĐ-UBND ngày 03/03/2006 của UBND tỉnh Lào Cai về việc ban hành thu phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Lào Cai./.

### Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT. TU, HĐND, UBND tỉnh;
- TT. Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Như Điều 2 Quyết định;
- Sở Tư pháp;
- Công báo tỉnh;
- Báo Lào Cai; Đài PT-TH tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, các CV.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH  
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Vịnh